

**Giải VBT Sinh học lớp 9 Bài 64: Đa dạng sinh học****Bài 1 (trang 155 VBT Sinh học 9):**

Điền nội dung phù hợp vào bảng 64.1

**Trả lời:**

Bảng 64.1. Đặc điểm chung và vai trò của các nhóm sinh vật

Các nhóm sinh vật	Đặc điểm chung	Vai trò
Virut	Kích thước rất nhỏ bé Chưa có cấu tạo tế bào, chỉ được coi là dạng sống mà chưa phải là cơ thể sống Có dạng hình que, hình cầu, khối nhiều mặt Sống kí sinh bắt buộc	Phần lớn các loại vi rút gây bệnh cho người và sinh vật khác
Vi khuẩn	Là những sinh vật rất nhỏ bé, cấu tạo đơn giản, hầu hết là những cơ thể đơn bào, tế bào chưa có nhân hoàn chỉnh.	Phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ, tham gia vòng tuần hoàn vật chất trong tự nhiên. Góp phần hình thành than đá, dầu lửa

	<p>Hầu hết không có chất diệp lục, sống hoại sinh hoặc kí sinh, một số ít có thể tự dưỡng.</p> <p>Khả năng sinh sản mạnh, vi khuẩn phân bố rộng rãi trong tự nhiên.</p>	<p>Một số vi khuẩn có ích được ứng dụng trong sản xuất công nghiệp, chế biến thực phẩm.</p> <p>Một số vi khuẩn có hại gây ô nhiễm môi trường, làm ôi hỏng thức ăn, gây bệnh cho con người và sinh vật khác</p>
Nấm	<p>Cơ quan sinh dưỡng là những sợi không màu, không có chất diệp lục</p> <p>Cơ thể có cấu tạo tế bào, dạng đơn bào hoặc đa bào, tế bào có một hoặc nhiều nhân</p> <p>Nấm sống kí sinh hoặc hoại sinh, một số nấm cộng sinh với sinh vật khác</p> <p>Chủ yếu sinh sản bằng bào tử, cơ quan sinh sản thường là mũ nấm</p>	<p>Tham gia phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ</p> <p>Làm thực phẩm</p> <p>Điều chế làm thuốc</p> <p>Phục vụ sản xuất rượu, bia, chế biến thực phẩm, phụ gia,...</p> <p>Một số nấm kí sinh gây bệnh cho người và sinh vật khác</p> <p>Một số nấm có chất độc</p>
Thực vật	<p>Tự dưỡng, tế bào có chất diệp lục và thành xenlulôzơ</p> <p>Phần lớn không có khả năng di chuyển</p> <p>Phản ứng chậm với những kích thích từ bên ngoài</p>	<p>Sản xuất các chất hữu cơ là nguồn thức ăn cho nhiều loài sinh vật</p> <p>Cung cấp khí O<sub>2</sub>, hấp thu khí CO<sub>2</sub></p> <p>Làm phong phú hệ sinh vật trên trái đất</p>

		Phục vụ nhiều mặt trong đời sống con người và nhiều loài sinh vật...
Động vật	Có cấu tạo tế bào, tế bào không có thành xenlulozo  Dị dưỡng  Phần lớn có khả năng di chuyển  Có các hệ thần kinh và giác quan.	Cung cấp nguyên liệu cho con người  Hỗ trợ con người trong nhiều lĩnh vực  Làm phong phú thêm hệ sinh vật trên Trái Đất  Một số động vật gây bệnh hoặc là trung gian truyền bệnh cho người và sinh vật khác.

**Bài 2 (trang 156 VBT Sinh học 9):**

Điền nội dung phù hợp vào bảng 64.2

**Trả lời:**

Bảng 64.2. Đặc điểm của các nhóm thực vật

Các nhóm thực vật	Đặc điểm
Tảo	Cơ thể gồm một hoặc nhiều tế bào, cấu tạo đơn giản  Luôn có chất diệp lục  Hầu hết tảo sống trong nước

Rêu	<p>Đã có thân nhưng thân không phân nhánh</p> <p>Có lá thật nhưng chưa có rễ chính thức</p> <p>Chưa có mạch dẫn, chưa có hoa</p> <p>Sinh sản bằng bào tử</p> <p>Sống ở nơi ẩm ướt</p>
Quyết	<p>Đã có thân, rễ, lá thật</p> <p>Sinh sản bằng bào tử, bào tử nảy mầm thành nguyên tản, cây con mọc ra từ nguyên tản đã thụ tinh</p> <p>Các lá non cuộn tròn và có thể có lông tơ</p>
Hạt trần	<p>Thân gỗ, có mạch dẫn</p> <p>Chưa có hoa và quả, sinh sản nhờ các hạt nằm lộ trên các lá noãn hở</p>
Hạt kín	<p>Cơ quan sinh dưỡng phát triển đa dạng, hệ mạch dẫn hoàn thiện</p> <p>Có hoa, quả, sinh sản nhờ các hạt nằm trong quả, quả bảo vệ hạt.</p>

**Bài 3 (trang 156 VBT Sinh học 9):**

Điền nội dung phù hợp vào bảng 64.3

**Trả lời:**

Bảng 64.3. Đặc điểm của cây Một lá mầm và cây Hai lá mầm

Đặc điểm	Cây Một lá mầm	Cây Hai lá mầm
Số lá mầm của phôi	1 lá mầm	1 lá mầm
Kiểu rễ	Rễ chùm	Rễ cọc
Kiểu gân lá	Gân song song, gân hình cung	Gân hình mạng
Số cánh hoa	Thường là 3 hoặc là bội số của 3	Thường là 4, 5 hoặc là bội số của 4, 5
Chất dinh dưỡng của hạt	Dự trữ trong nội nhũ	Dự trữ trong lá mầm

**Bài 4 (trang 157 VBT Sinh học 9):**

Điền nội dung phù hợp vào bảng 64.4

**Trả lời:**

Bảng 64.4. Đặc điểm của các ngành động vật

Ngành	Đặc điểm
Động vật nguyên sinh	Cơ thể có cấu tạo chỉ gồm 1 tế bào, kích thước nhỏ bé Phân lớn dị dưỡng Có khả năng di chuyển bằng lông bơi, roi bơi Sinh sản vô tính bằng phân đôi
Ruột khoang	Động vật đa bào bậc thấp, cơ thể có đối xứng tỏa tròn

	<p>Cơ thể hình trụ hoặc hình dù</p> <p>Phần lớn có khả năng di chuyển</p> <p>Dị dưỡng</p> <p>Có tế bào gai, có tua miệng</p> <p>Cơ thể gồm 2 lớp tế bào</p> <p>Ruột dạng túi</p>
Giun dẹp	<p>Dị dưỡng</p> <p>Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên, có sự phân biệt đầu đuôi, lưng bụng</p> <p>Ruột phân nhiều nhánh, chưa có ruột sau và hậu môn</p> <p>Giun dẹp kí sinh có giác bám, cơ quan sinh sản rất phát triển, ấu trùng phát triển qua các vật chủ trung gian</p>
Giun tròn	<p>Cơ thể hình trụ dài, thuôn nhọn 2 đầu, tiết diện ngang cơ thể hình tròn</p> <p>Bắt đầu hình thành khoang cơ thể chưa chính thức.</p> <p>Ống tiêu hóa phân hóa, có miệng và hậu môn; dị dưỡng</p> <p>Sống kí sinh hoặc tự do</p>
Giun đốt	<p>Cơ thể phân đốt</p> <p>Có thể xoang (khoang cơ thể chính thức)</p>

	<p>Ống tiêu hóa phân hóa</p> <p>Bắt đầu có hệ tuần hoàn, máu thường có màu đỏ</p> <p>Di chuyển nhờ chi bên, tơ hoặc hệ cơ của thành cơ thể</p> <p>Hô hấp qua mang hoặc qua da.</p>
Thân mềm	<p>Thân mềm, không phân đốt</p> <p>Có vỏ hay mai đá vôi</p> <p>Ống tiêu hóa phân hóa</p> <p>Có khoang áo</p> <p>Cơ quan di chuyển đơn giản</p>
Chân khớp	<p>Có bộ xương ngoài bằng kitin nâng đỡ và che chở cơ thể</p> <p>Cơ thể phân đốt, chân phân đốt, các đốt chân khớp động với nhau</p> <p>Miệng có nhiều phần phụ, tham gia bắt giữ và tiêu hóa thức ăn</p> <p>Giác quan phát triển</p> <p>Cần lột xác để lớn lên</p> <p>Có chân, một số có cánh</p>
Động vật có xương sống	<p>Có bộ xương trong, có cột sống và tủy sống</p> <p>Hệ cơ quan và các giác quan khá phát triển</p>

**Bài 5 (trang 158 VBT Sinh học 9):**

Điền nội dung phù hợp vào bảng 64.5.

**Trả lời:**

Bảng 64.5. Đặc điểm của các lớp Động vật có xương sống

Lớp	Đặc điểm
Cá	<p>Sống ở môi trường nước</p> <p>Bơi bằng vây</p> <p>Chủ yếu hô hấp bằng mang</p> <p>Tim 2 ngăn, một vòng tuần hoàn kín, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi</p> <p>Phần lớn đẻ trứng, thụ tinh ngoài, số lượng trứng trong các lần sinh lớn, hầu hết không chăm sóc con non</p> <p>Là động vật biến nhiệt</p>
Lưỡng cư	<p>Môi trường sống: vừa ở nước, vừa ở cạn</p> <p>Da trần, mềm, ẩm</p> <p>Di chuyển nhờ 4 chi</p> <p>Hô hấp bằng phổi và da, trong đó hô hấp qua da là chủ yếu</p> <p>2 vòng tuần hoàn, tim 3 ngăn, máu đi nuôi cơ thể là máu pha</p> <p>Là động vật biến nhiệt</p> <p>Đẻ trứng trong nước, thụ tinh ngoài, nòng nọc sống hoàn toàn trong nước, vòng đời phát triển qua biến thái</p>



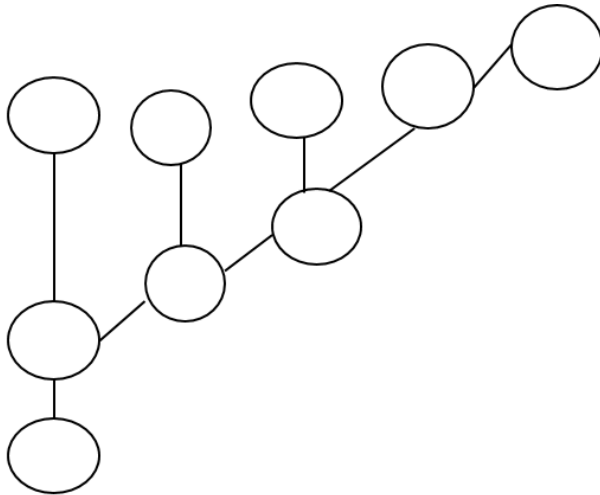
Bò sát	<p>Sống hoàn toàn ở môi trường cạn</p> <p>Da khô, vảy sừng khô, cổ dài, màng nhĩ nằm trong hốc tai</p> <p>Di chuyển nhờ 4 chi hoặc nhờ hệ cơ</p> <p>Hô hấp bằng phổi</p> <p>Tim 3 ngăn, ở giữa tâm thất có vách ngăn hụt (riêng cá sấu có tim 4 ngăn), máu đi nuôi cơ thể là máu pha (pha ít hơn so với lưỡng cư)</p> <p>Là động vật biến nhiệt</p> <p>Có cơ quan giao phối, thụ tinh trong, đẻ trứng, trứng có màng dai bao bọc, giàu noãn hoàng</p>
Chim	<p>Có mỏ sừng</p> <p>Chi trước biến đổi thành cánh</p> <p>Có lông vũ bao phủ toàn cơ thể</p> <p>Chân có vuốt</p> <p>Hô hấp: phổi có hệ thống ống khí; túi khí tham gia hô hấp</p> <p>Tim 4 ngăn, hai vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi</p> <p>Hằng nhiệt</p> <p>Trứng lớn, có vỏ đá vôi bao bọc, giàu noãn hoàng, được ấp nở</p>
Thú	<p>Hằng nhiệt</p> <p>Tim 4 ngăn, 2 vòng tuần hoàn, máu đi nuôi cơ thể là máu đỏ tươi</p> <p>Hô hấp bằng phổi</p>

	Thần kinh và giác quan phát triển, bộ não phát triển Phần lớn thú cơ thể có lông mao Đẻ trứng hoặc đẻ con, có tập tính chăm sóc con non
--	---

**Giải VBT Sinh học lớp 9 Bài 64: Tiến hóa của động vật và thực vật****Bài 1 (trang 158-159 VBT Sinh học 9):**

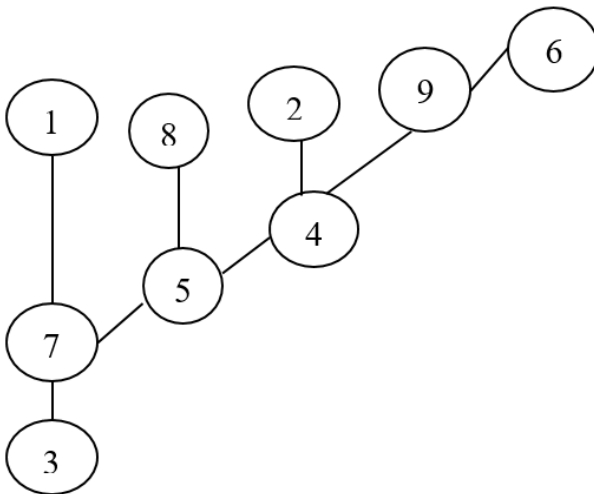
Hãy điền các số tương ứng với các nhóm thực vật vào đúng vị trí của cây phát sinh ở hình 64.1

1. Tảo
2. Dương xỉ
3. Các cơ thể sống đầu tiên
4. Dương xỉ cổ
5. Quyết
6. Hạt kín
7. Tảo nguyên thủy
8. Rêu
9. Hạt trần



Hình 64.1. Sơ đồ cây phát sinh thực vật

**Trả lời:**



Hình 64.1. Sơ đồ cây phát sinh thực vật

**Bài 2 (trang 159 VBT Sinh học 9):**

Hãy ghép các chữ cái a, b, c, d, e, g, h, i với các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 theo trật tự tiến hóa của giới Động vật vào cột ghi kết quả trong bảng 64.2.

**Trả lời:**

Bảng 64.2. Trật tự tiến hóa của giới Động vật

Các ngành động vật	Trật tự tiến hóa	Cột ghi kết quả
a) Giun dẹp	1	1 – d
b) Ruột khoang	2	2 – b
c) Giun đốt	3	3 – a
d) Động vật nguyên sinh	4	4 – e
e) Giun tròn	5	5 – c
g) Chân khớp	6	6 – i
h) Động vật có xương sống	7	7 – g
i) Thân mềm	8	8 – h